

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2020/HNGĐ - ST

Ngày 29/9/2020

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Tổng Thị Diệp
2. Ông Hoàng Viết Oanh

*Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 633/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/8/2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 09/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2020/QĐHPT ngày 24 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lù Hán N, Sinh năm 1990; Địa chỉ: 144 Nguyễn D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Thiện T, Sinh năm 1988; Địa chỉ: 144 Nguyễn D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lù Hán N trình bày có nội dung như sau:***

Chị Lìu Hán N và anh Trần Thiện T tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B ngày 04/10/2016.

Sống chung hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, anh T không tu chí làm ăn, mặc dù đã cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên chị Lìu Hán N có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Trần Thiện T.

Về con chung: Chị Lìu Hán N và anh Trần Thiện T có 01 con chung là cháu Trần Thiện Â, sinh ngày 03/4/2018. Cháu vẫn đang còn nhỏ, cần tình thương của mẹ và chị Lìu Hán N cũng có đủ điều kiện nuôi con nên chị Lìu Hán N có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Â đến tuổi thành niên và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn anh Trần Thiện T:***

Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng nên không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.*

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn anh Trần Thiện T cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Thiện T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lìu Hán N và anh Trần Thiện T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B ngày 04/10/2016 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình duy trì quan hệ hôn nhân, hạnh phúc được thời gian ngắn, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc và bất đồng trong quan điểm, anh T không tu chí làm ăn, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng; gay gắt, cuộc sống không hạnh phúc. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng,

không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Tại biên bản xác minh của Tòa án chính quyền địa phương cho biết chị Lìu Hán N và anh Trần Thiện T quá trình sống tại địa phương có mâu thuẫn, về nguyên nhân cụ thể mâu thuẫn thế nào thì địa phương không nắm được do chị N không yêu cầu hòa giải tại cơ sở.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ anh T nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị Lìu Hán N và anh Trần Thiện T đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung là cháu Trần Thiên Â, sinh ngày 03/4/2018, hiện con chung dưới 36 tháng tuổi và chị N cũng đủ điều kiện nuôi con nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và ổn định cuộc sống của cháu cần giao con chung là cháu Trần Thiên Â, sinh ngày 03/4/2018 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Anh Trần Thiện T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lìu Hán N không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lìu Hán N không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Lìu Hán N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Trần Thị Kim H đã nộp thay cho chị Lìu Hán N tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0012650 ngày 17/8/2020.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lìu Hán N xin ly hôn anh Trần Thiện T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lìu Hán N được ly hôn anh Trần Thiện T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thiên Ân, sinh ngày 03/4/2018 cho chị Lìu Hán N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Anh Trần Thiện T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Lìu Hán N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Trần Thị Kim H đã nộp thay cho chị Lìu Hán N tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0012650 ngày 17/8/2020.

Nguyên đơn, có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. B;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Lê Đình Thanh**

